

QUYẾT ĐỊNH
Về việc biên chế lớp đại học K66A4_LT_KT_BH_CQ

GIÁM ĐỐC
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1116-1/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 28/06/2021 và 2415/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 31/12/2021 của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh – Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về duyệt danh sách trúng tuyển kết quả tuyển sinh năm 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Trường phòng CTCTSV.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập lớp đại học khóa 66 hình thức đào tạo chính quy; Khóa học (2021-2024); Ngành: Kế toán; Tên lớp: K66A4_LT_KT_BH_CQ học tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Lớp có tên tại Điều 1 dưới sự hướng dẫn của cố vấn học tập tổ chức học tập, rèn luyện và các hoạt động khác theo quy chế đào tạo, quy chế sinh viên và các quy định hiện hành.

Điều 3. Trường các đơn vị liên quan, cố vấn học tập và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Hiệu trưởng (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Hải Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP K66A4_LT_KT_BH_CQ

(Kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-PTHHLN-ĐT ngày 27 tháng 1 năm 2022
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai)



STT	Mã số SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	21B340301019	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/07/1997	Nữ	
2	21B340301014	Ngô Thị	Bé	10/10/1998	Nữ	
3	21B340301003	Nguyễn Thị	Bình	20/09/1971	Nữ	
4	21B340301012	Nguyễn Đình	Chi	19/01/1997	Nam	
5	21B340301017	Cao Thị Hồng	Duyên	26/10/1992	Nữ	
6	21B340301010	Nguyễn Tuấn	Đạt	12/04/1998	Nam	
7	21B340301016	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/01/2002	Nữ	
8	21B340301031	Phạm Thị	Hoa	24/03/1991	Nữ	
9	21B340301025	Nguyễn Chi Diệu	Huyền	15/08/2000	Nữ	
10	21B340301032	Trần Thị	Huyền	23/01/1991	Nữ	
11	21B340301001	Hồ Thị	Lê	20/12/1977	Nữ	
12	21B340301002	Lê Thị	Mỹ	06/03/1981	Nữ	
13	21B340301011	Hồ Thị	Nhung	07/01/1990	Nữ	
14	21B340301022	Lê Đoàn Hồng	Nhung	25/05/2001	Nữ	
15	21B340301008	Nguyễn Thị Thanh	Phương	15/11/1997	Nữ	
16	21B340301030	Hoàng Ngọc	Quyên	20/06/2003	Nữ	
17	21B340301024	Lê Đức	Tâm	13/06/1992	Nam	
18	21B340301007	Nguyễn Minh	Thắng	06/12/1992	Nam	
19	21B340301009	Phan Thị	Thanh	26/06/1994	Nữ	
20	21B340301027	Lê Thị Bích	Thảo	22/01/1989	Nữ	
21	21B340301029	Nguyễn Thị	Thỏa	10/03/1995	Nữ	
22	21B340301018	Lê Thị Anh	Thư	15/10/2001	Nữ	
23	21B340301004	Bùi Thị	Thủy	13/03/1978	Nữ	
24	21B340301013	Trần Thị	Trang	25/08/1985	Nữ	
25	21B340301028	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	14/05/1987	Nữ	
26	21B340301015	Nguyễn Vũ Tiểu	Vi	16/06/1999	Nữ	
27	21B340301026	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	17/06/1999	Nữ	
28	21B340301023	Nguyễn Thị Hải	Yên	20/11/1992	Nữ	

1001